

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/TKDCTXĐ/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **HỘ KINH DOANH TRẦN XUÂN ĐẠI**

Địa chỉ: 45 Trường Sơn, phường Yên Thế, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0983094525

Fax:

Email:

Mã số doanh nghiệp: 39A8009468

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 61/2018/ATTP-CNĐK ngày cấp 19/9/2018, nơi cấp Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **CÀ PHÊ BỘT BAZAN PLEIKU**

2. Thành phần: Cà phê nguyên chất (100%). Không sử dụng phụ gia thực phẩm

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ NSX (in trên nhãn sản phẩm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 500g/gói và 01kg/gói.

- Chất liệu bao bì: bì PE, Craft, Zipper, hộp giấy.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn kèm theo)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

QCVN 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: TCVN 5251:2015 về cà phê bột

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế hợp nhất Thông tư hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Gia Lai, ngày 20 tháng 9 năm 2018

CHỦ HỘ KINH DOANH



Trần Xuân Đại

MÀU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

CÀ PHÊ BỘT BAZAN PLEIKU

Thành phần: Cà phê nguyên chất (100%). Không sử dụng phụ gia thực phẩm

Hướng dẫn sử dụng:

- Cho 3 muỗng cà phê bột vào phin (khoảng 25g).
- Lắc nhẹ phin cho bột cà phê bằng mặt.
- Nén nhẹ nắp gài đồng thời xoay nắp gài một góc 45° và rót vào khoảng 2/3 phin nước nóng (95°C – 100°C) vào.
- Chờ khoảng 2 phút để bột cà phê thấm và nở đều, rót thêm nước nóng vào phin cho phù hợp khẩu vị của người sử dụng.
- Có thể cho thêm đường, sữa, đá tùy theo sở thích và khẩu vị của người dùng.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Cảnh báo: Không sử dụng khi thấy cà phê có hiện tượng mốc, đổi màu, vón cục.

Sản xuất tại: Hộ kinh doanh Trần Xuân Đại

Địa chỉ: 45 Trường Sơn, phường Yên Thế, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

ĐT: 0983094525

Bản tự công bố sản phẩm số: 01/HKDTXD/2018

NSX: In trên nhãn

HSD: 12 tháng kể từ NSX

Khối lượng tịnh:

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số / No: 1808012993-1

Ngày / Date: 18/08/2018

Tên khách hàng / Client's name: **HỘ KINH DOANH TRẦN XUÂN ĐẠI**
Địa chỉ / Address: 45 Trường Sơn, phường Yên Thế, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Tên mẫu / Name of Sample: Cà phê bột
Mô tả mẫu / Sample description: Mẫu cà phê bột
Số niêm phong / Seal No.: Không niêm
Ngày nhận mẫu / Receiving date: 14/08/2018
Ngày phân tích / Analysing date: 14/08/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Chỉ tiêu / Parameter	Đơn vị tính / Unit	Kết quả / Result	LOD	Phương pháp / Test method
Caffeine	%	2.18	0.0005	TCVN 9723 : 2013 (*)
Ochratoxin A	µg/kg	Not detected	1	WUT/TM/CH/01.10 (LC/MS/MS) (*)
Characteristic/ Trạng thái	-	Dạng bột, lơi xốp, không vón cục	-	TCVN 5251:2015
Coffee brew/ Cà phê pha	-	Màu sắc đặc trưng của sản phẩm	-	TCVN 5251:2015
Color/ Màu sắc	-	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm	-	TCVN 5251:2015
Fineness (pass through 0.56mm sieve)/ Độ mịn (qua rây 0.56mm)	%	42.47	-	TCVN 10821:2015
Fineness (retained on 0.25mm sieve)/ Độ mịn (giữ trên rây 0.25mm)	%	14.75	-	TCVN 10821:2015
HCl insoluble Ash/ Tro không tan trong HCl	%	Not detected	0.05	TCVN 5253:1990(*)
Moisture/ Độ ẩm	%	2.34	-	TCVN 7035:2002(*)
Odor, taste/ Mùi, vị	-	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ	-	TCVN 5251:2015
Soluble solids content/ Hàm lượng chất tan trong nước	%	26.10	-	TCVN 5252:1990(*)
Arsenic/ Asen (As)	mg/kg	Not detected	0.025	AOAC 2013.06 (*)
Cadmium/ Cadimi (Cd)	mg/kg	Not detected	0.05	AOAC 2013.06 (*)
Lead/ Chì (Pb)	mg/kg	Not detected	0.04	AOAC 2013.06 (*)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số /No: 1808012993-1

Ngày/ Date: 18/08/2018

Tên khách hàng /Client's name: **HỘ KINH DOANH TRẦN XUÂN ĐẠI**
Địa chỉ /Address: 45 Trường Sơn, phường Yên Thế, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Tên mẫu/ Name of Sample: Cà phê bột
Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu cà phê bột
Số niêm phong /Seal No.: Không niêm
Ngày nhận mẫu/ Receiving date: 14/08/2018
Ngày phân tích/ Analysing date: 14/08/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Chỉ tiêu/Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	Phương pháp/Test method
Mercury/ Thủy ngân (Hg)	mg/kg	Not detected	0.02	AOAC 2013.06 (*)

Note/ Ghi chú:

- (*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS
- (**) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Parameter is tested by subcontractor
- Tên mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample is written as client's request
- Kết quả phản tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid on tested sample only.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc công ty cổ phần WARRANTEK/ This test report shall not be reproduced except in full without the written approval of Director of WARRANTEK

Phòng kiểm nghiệm/ Laboratory



Nguyễn Hữu Truyền

Đại diện công ty/ On behalf of WARRANTEK



Phạm Bích Kiều

DP/04/F01

Trang/Page: 2/2

Ngày ban hành/ Issued date: 31/08/2018